

Số: 11 /2013/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 12 tháng 8 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của các  
quyết định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 103/TTr-STP ngày 01 tháng 8 năm 2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản tại Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Thái Bình, như sau:**

1. Sửa Khoản 2 Điều 7:

**“Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính**

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

a) Đôn đốc các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính theo quy định. Báo cáo kịp thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để có biện pháp xử lý đối với những sở, ban, ngành không thực hiện đúng các quy định về trình công bố, công khai thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 4, Quy chế này.

b) Đăng tải công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định công bố thủ tục hành chính, Sở Tư pháp thực hiện tạo mới hồ sơ văn bản và tạo mới hoặc

sửa đổi hồ sơ thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị công khai thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính đến Bộ Tư pháp. Giám đốc Sở Tư pháp chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ văn bản, hồ sơ thủ tục hành chính đã tạo trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính”.

2. Sửa đổi đoạn cuối tại mục 4 Điều 8:

**“Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết”.

3. Các sửa đổi khác:

Thay thế cụm từ “Văn phòng Ủy ban nhân dân” bằng cụm từ “Sở Tư pháp” tại Điều 1; Khoản 2 Điều 4; điểm b Khoản 1, điểm a, b Khoản 2 Điều 5;

**Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản tại Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế phối hợp tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, như sau:**

1. Sửa đổi Khoản 4 Điều 2:

**“Điều 2. Giải thích từ ngữ**

4. *Văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị* là văn bản của Sở Tư pháp chuyển phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về quy định hành chính đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét xử lý”.

2. Sửa đổi Điều 5:

**“Điều 5. Tiếp nhận, đánh giá, phân loại phản ánh, kiến nghị**

1. Địa chỉ tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình:

- Số 06, phố Hai Bà Trưng, thành phố Thái Bình.

- Điện thoại: 0363.731.784

- Thư điện tử: [thutuchanhchinh@thaibinh.gov.vn](mailto:thutuchanhchinh@thaibinh.gov.vn)

2. Sở Tư pháp tổ chức tiếp nhận, nghiên cứu, đánh giá, phân loại các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính để giao cho các sở,

ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan xử lý đúng quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 13 của Nghị định số 20/2008/NĐ-CP”.

3. Sửa đổi Khoản 2 Điều 10:

**“Điều 10. Tổ chức thực hiện**

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các địa phương, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết”.

4. Các sửa đổi khác:

a) Thay thế cụm từ “Văn phòng Ủy ban nhân dân” bằng cụm từ “Sở Tư pháp” tại Điều 1; Khoản 1 Điều 3; Khoản 1, 2 Điều 6; Khoản 2, 3 Điều 7; Khoản 2, 3 Điều 8; Khoản 2, 3 Điều 9; Khoản 1 Điều 10;

b) Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” bằng cụm từ “Sở Tư pháp” tại Khoản 2 Điều 3;

c) Thay thế cụm từ “Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh” bằng cụm từ “Giám đốc Sở Tư pháp” tại Khoản 2 Điều 6.

**Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản tại Quyết định số 17/2011/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 13/2009/QĐ-UBND ngày 10/9/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục soạn thảo, ban hành và kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp, như sau:**

1. Sửa đổi Phần I, Điều 1:

**“I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHẦN CĂN CỨ BAN HÀNH**

4. Bổ sung căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính”.

2. Sửa đổi mục 3 Phần II Điều 1:

**“3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 12:**

Cơ quan Tư pháp cùng cấp thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp. Đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định và bổ sung trong Báo cáo thẩm định phân kết quả thẩm định về thủ tục hành chính quy định trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; không tiếp nhận hồ sơ của các sở, ngành gửi thẩm định nếu trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính chưa có bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính của sở, ngành đó.

Cơ quan soạn thảo phải gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến cơ quan Tư pháp cùng cấp chậm nhất trước ngày Ủy ban nhân dân họp thông qua là 15 ngày để thẩm định”.

3. Sửa đổi mục 4 Phần II Điều 1:

#### **“4. Sửa đổi Điểm a Khoản 2 Điều 12**

Gửi đầy đủ hồ sơ dự thảo văn bản thẩm định bao gồm: Công văn yêu cầu thẩm định; Tờ trình và dự thảo văn bản; báo cáo tổng hợp ý kiến và giải trình về việc tiếp thu ý kiến tham gia, bản đánh giá tác động về thủ tục hành chính đối với dự thảo văn bản có quy định về thủ tục hành chính và các tài liệu có liên quan khác”.

#### **4. Các sửa đổi khác:**

Thay cụm từ “Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh” bằng cụm từ “Sở Tư pháp” Khoản 2 Điều 1 Phần II.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Tung*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TH. *ch*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Sinh**